

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2021/DS-ST**

Ngày 23 – 4 - 2021

V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ánh Hoa

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Kiển - Kiểm sát viên .

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 376/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp hội” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần V, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số 218, đường Lý K, khóm Q, phường Y, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 159, đường Lý K, khóm Q, phường Y, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lô T, sinh năm: 1986 (xin vắng mặt).

Anh Lê T, sinh năm: 1985 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 58, Lý K, khóm Q, phường Y, thành phố CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Trần V (nguyên đơn) trình bày:

Bà là người đứng ra tổ chức chơi hội từ năm 2016 cho đến nay, trong quá trình tổ chức hội bà Nguyễn L là hội viên có tham gia các dây hội do bà tổ chức, sau khi hốt hội bà L không thực hiện nghĩa vụ đóng hội chết cho bà. Bà có nhắc nhở nhiều lần nhưng bà L vẫn không thực hiện, các dây hội bà L còn nợ bà cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Khai ngày 19/4/2020, loại hội 500.000đồng, mỗi tuần khai một lần vào ngày chủ nhật hàng tuần, hội có 32 chân. Đến ngày 22/11/2020 thì mãn hội. Đối với dây hội này bà L tham gia 01 chân. Ngày 03/5/2020 bà L hốt, số tiền hốt hội là

12.300.000đồng, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà L. Bà L đóng cho bà 12 kỳ hụi chết, tổng cộng là 6.000.000đồng, còn nợ lại 20 kỳ với số tiền 10.000.000đồng.

Dây hụi thứ hai khai ngày 27/10/2019, loại hụi 2.000.000đồng. Nửa tháng khai một lần vào ngày 15, 30 hàng tháng. Hụi gồm 27 chân. Đến ngày 30/9/2020 thì mãn. Đối với dây hụi này bà L tham gia 01 chân. Bà L hốt hụi ngày 10/12/2019, số tiền hốt hụi là 39.100.000đ, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà L. Khi giao tiền hụi cho bà L thì bà L có ký tên vào sổ theo dõi hụi của bà. Bà L đóng được 23 kỳ với số tiền 46.000.000đồng, còn nợ lại 09 kỳ với số tiền 18.000.000đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà L thanh toán cho bà số tiền nợ hụi là 28.000.000đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*). Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

** Quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Nguyễn L (bị đơn) trình bày như sau:*

Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi, số tiền nợ hụi của hai dây hụi tính đến ngày mãn hụi là 28.000.000đồng đúng như bà V trình bày. Tuy nhiên bà không tham gia chơi hụi do bà V làm chủ. Người làm chủ hụi là vợ chồng chị Lô T (con ruột bà V) anh Lê T (con rể bà V). Bà trực tiếp đóng tiền hụi cho anh T và chị T, khi nào anh T và chị T không có mặt ở nhà thì bà gửi tiền hụi cho vợ chồng bà V. Khi bà hốt hụi bà có hỏi anh T sao không đưa tiền hụi cho bà thì anh T nói gửi mẹ con giao. Nên khi bà V giao hụi cho bà kêu bà ký tên vào sổ thì bà ký.

Bà nợ tiền hụi của anh T và chị T chứ không nợ tiền hụi của bà V nên không đồng ý thanh toán tiền nợ hụi theo yêu cầu của bà V.

** Quá trình giải quyết vụ án chị bà Lô T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày như sau:*

Chị là con ruột của bà Trần V, sống chung nhà với bà Vân từ nhỏ đến năm 2009 chị kết hôn với anh Lê T. Sau khi kết hôn chị với anh Toàn về chung sống với cha mẹ ruột của anh Toàn nhà tại địa chỉ số 58, Lý K, khóm Q, phường I, thành phố Cà Mau. Do nhà mẹ chị kinh doanh quán cơm, chị phụ mẹ buôn bán nên khi lấy chồng, hai vợ chồng chị vẫn về làm phụ giúp cho mẹ chị, mẹ chị trả lương hàng tháng cho hai vợ chồng chị. Ngoài việc kinh doanh quán cơm mẹ chị còn tổ chức chơi hụi, việc tổ chức chơi hụi từ năm 2016 cho đến nay. Do anh chị phụ việc cho mẹ chị nhiều năm nên vợ chồng chị có đi thu tiền hụi của các hụi viên thay mẹ. Khi thu tiền hụi về vợ chồng chị đưa lại cho mẹ chị. Việc tổ chức bỏ thăm, khai hụi xem người nào hốt ở dây hụi nào thì do mẹ chị tự tổ chức, vợ chồng chị không có tham gia. Mẹ chị cũng là người trực tiếp giao tiền hụi cho các hụi viên. Vợ chồng chị đi thu tiền hụi theo danh sách hụi mẹ chị đưa cho vợ chồng chị chứ vợ chồng chị không có đứng ra giao dịch chơi hụi với bất kỳ ai. Việc bà Lắng cho rằng có chơi hụi do vợ chồng chị làm chủ là không có.

** Quá trình giải quyết vụ án chị bà Lê T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày như sau:*

Anh thống nhất theo ý kiến của vợ anh là chị T. Anh phụ giúp buôn bán với mẹ vợ là bà V, có đi thu tiền hụi dùm bà V nhiều lần. Anh không có làm chủ hụi cũng không đứng ra giao dịch với ai về hụi cả. Do bà L ở gần nhà bà V, anh có thu tiền hụi của bà L dùm cho bà V nhiều lần nên quen với bà L. Anh có hùn làm ăn bên ngoài nên có hỏi vay bà L số tiền vốn là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) vào tháng 4/2020, khi vay không có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 7%/ tháng, anh đóng lãi cho bà L hàng ngày, mỗi ngày 280.000đồng (Hai trăm tám chục ngàn đồng), anh đóng được 4 tháng rưỡi thì không còn khả năng thanh toán nên ngưng cho đến nay. Quá trình đóng lãi hai bên không có

làm biên nhận. Do hoàn cảnh anh gặp nhiều khó khăn, kinh doanh bị thua lỗ hết nên anh chưa có khả năng thanh toán tiền nợ cho bà L. Ngoài ra anh không trình bày gì thêm.

Đối với Chị T, anh T cho rằng mình chỉ là người biết sự việc không có liên quan trong vụ án bà V kiện bà L nên chị T và anh T xin được khước từ không tham gia tố tụng, chị T, anh T xin được vắng mặt trong các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử tại tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì tất cả đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng việc bà Lắng vi phạm nghĩa vụ đóng hui chết là có thật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các **147, 471, 227, 228** Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 17 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 28.000.000đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hui, bà Nguyễn L là bị đơn, có nơi cư trú tại số 159, Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê T và chị Lô T xin được vắng mặt trong các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử tại tòa nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng việc các đương sự tổ chức chơi hui với nhau có lập danh sách hui viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện việc các đương sự giao dịch hui thực tế có xảy ra, khi bị đơn hốt hui nguyên đơn đều có ghi sổ cho bị đơn ký tên vào sổ nhận tiền, bị đơn cũng thừa nhận chữ “Lắng” trong giấy giao hui (bút lục 39) là chữ ký của bị đơn và bị đơn cũng thừa nhận còn nợ số tiền hui 28.000.000đồng nhưng bị đơn không nợ nguyên đơn mà nợ vợ chồng chị Lô T và anh Lê T (con gái và con rể nguyên đơn). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Lắng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà.

[4] Tại biên bản ghi nhận ý kiến của chị Lô T và anh Lê T ngày 29/12/2020 (bút lục số 33) chị Thảo, anh Toàn trình bày chỉ đi thu tiền hui dùm bà Vân theo danh sách bà Vân đưa chứ anh chị không có đứng ra giao dịch hui với bất kỳ ai. Tại các biên bản ghi ý kiến của những người chơi hui chung với bà Lắng, do bà Vân làm chủ (bút lục số 48 đến 53) đều xác định có chơi hui chung với bà Lắng, hui do bà Vân làm chủ, khi những người này hốt hui bà Vân là người trực tiếp giao hui và các hui viên ký vào sổ hui, còn việc thu tiền hui có khi bà Vân thu, có khi con bà Vân là chị Thảo, anh Toàn đi thu.

[5] Mặc dù, trong số tiền hội nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hội nhưng nguyên đơn, bị đơn không đặt ra yêu cầu điều chỉnh bởi nguyên, bị đơn không nhớ chính xác số tiền bỏ hội của từng lần các hội viên bỏ thăm để được hốt hội.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền hội là 28.000.000đồng (Hai mươi tám triệu đồng) là phù hợp.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán: Các đương sự không thống nhất với nhau Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Bà Nguyễn L được Tòa án hướng dẫn nhiều lần yêu cầu bà nộp đơn xin miễn án phí nhưng bà vẫn không nộp. Tại phiên Tòa bà xác định do hoàn cảnh bà rất khó khăn, bà phải đi làm thuê và bà cũng không biết chữ nên bà không thể viết đơn xin miễn án phí nộp cho Tòa án được. Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần V.

Buộc bà Nguyễn L trả cho bà Trần V số tiền hội là 28.000.000đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trần V có đơn yêu cầu thi hành án, bà Nguyễn L không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nguyễn L được miễn nộp án phí theo quy định.

Bà Trần V không phải nộp. Ngày 10/9/2020, bà Trần V đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002363 được trả lại toàn bộ cho bà Vân khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung

